



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Shinec
Địa điểm quan trắc : Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, Phường Thiên Hương, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 26/12/2025 - Ngày phân tích: 26/12/2025 - 12/01/2026
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT04/Nước thải sau xử lý lấy tại điểm xả thải (miệng đường ống xả nước thải ra sông Cấm); Tọa độ X=2312477.936; Y=590795.834

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.1996. NT.04	Cột B - Cmax
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	22,6	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	5,5 - 9
3	Độ màu	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	15	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	<10	110
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	50	165
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	21	55
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	KPH(0,02)	0,55
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,03	11
9	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	665	1.100
10	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F B&D:2023	1,01	11
11	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	33,6	44
12	Tổng phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	<0,20	6,6
13	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	KPH(0,003)	0,11
14	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH(0,0045)	0,55
15	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr:B: 2023	KPH(0,003)	0,11
16	Crom (III) (*)	mg/L	SMEWW 3111B: 2023 TCVN 6658:2000	KPH(0,025)	1,1
17	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,22	5,5
18	Asen (As)	mg/L	US EPA method 200.8	<0,003	0,11
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L		KPH(0,0003)	0,011
20	Chì (Pb)	mg/L		KPH(0,004)	0,55
21	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH(0,001)	0,11
22	Đồng (Cu)	mg/L		<0,006	2,2
23	Kẽm (Zn)	mg/L		0,043	3,3
24	Niken (Ni)	mg/L		0,032	0,55
25	Mangan (Mn)	mg/L		0,12	1,1

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng
Quy chuẩn (nếu có) được áp dụng theo yêu cầu của khách hàng



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.1996. NT.04	Cột B - Cmax
26	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH(0,03)	2,2
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	KPH(0,3)	11
28	Tổng coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH(2)	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng Cột B, Cmax: $K_q=1,1$ và $K_f=1$;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thảo